

BM02

GIẤY ĐỀ NGHỊ MỞ TÀI KHOẢN KHÓA DÀNH CHO SINH VIÊN QUỐC TẾ (đôi với khách hàng vị thành niên)

Eröffnung einer Bankverbindung /

Sperrkonto für Internationale Studenten (nur bei minderjährigen Antragstellern)

Mã Chi nhánh Filialnummer: _____

Số CIF CIF-Nummer: _____

1/ Thông tin cá nhân về chủ tài khoản Persönliche Angaben des Kontoinhabers

Chức danh và nhân xưng Anrede und Titel	<input type="checkbox"/> Bà Frau <input type="checkbox"/> Ông Herr	Chức danh, học hàm học vị Titel
Tên và tên đệm Vorname/-n		
Họ Nachname		
Tên khi sinh Geburtsname		
Ngày sinh, nơi sinh Geburtsdatum/-ort	Ngày sinh Geburtsdatum	Nơi sinh Geburtsort
Tình trạng hôn nhân Familienstand	<input type="checkbox"/> Độc thân ledig <input type="checkbox"/> Đã lập gia đình, sống chung verheiratet, zusammen veranlagt <input type="checkbox"/> Khác anderer:	
Quốc tịch Staatsangehörigkeit		
Nghề nghiệp Beruf	<input type="checkbox"/> Sinh viên / Student <input type="checkbox"/> Khác / anderer:	
Email Email		
Số điện thoại Telefonnummer		

2/ Đăng ký thường trú và địa chỉ thư tín Melde- und Postadresse

Địa chỉ phụ thêm (ví dụ gửi qua địa chỉ người khác) Adresszusatz (z.B. c/o)	
Phố, số nhà Straße und Hausnummer	
Thành phố, mã vùng thư tín Postleitzahl und Ort	
Quốc gia Land	Đức / Deutschland
Cách nhận sao kê Übermittlungsform der Kontoauszüge	<input checked="" type="checkbox"/> Qua Bưu điện. Việc gửi số dư tài khoản cuối kỳ cũng như các thông tin theo quy định của pháp luật là miễn phí. Các thông tin khác như việc không gửi được thư hoặc việc in lại tài liệu thì có thể mất phí. Các thông tin chi tiết được liệt kê trong bảng giá sản phẩm dịch vụ. Postversand. Übermittlung der jeweiligen Rechnungsabschlüsse sowie gesetzlicher Informationspflichten erfolgt unentgeltlich. Weitere Zustellungen, beispielsweise im

Falle der Nichtzustellbarkeit oder des Nachdrucks können gebührenpflichtig sein. Weitere Informationen hierzu sind dem Preisverzeichnis zu entnehmen.

3/ Người đại diện theo pháp luật (đối với khách hàng vị thành niên) Gesetzliche Vertreter

1. Người đại diện thứ nhất Erster gesetzlicher Vertreter

Hình thức đại diện Art der Vertretung	<input type="checkbox"/> Mẹ Mutter <input type="checkbox"/> Bố Vater <input type="checkbox"/> Người chăm sóc Betreuer <input type="checkbox"/> Người đại diện pháp luật Vormund	
Chức danh và nhân xưng Anrede und Titel	<input type="checkbox"/> Bà Frau <input type="checkbox"/> Ông Herr	Chức danh, học hàm học vị Titel
Tên và tên đệm Vorname/-n		
Họ Nachname		
Tên khi sinh Geburtsname		
Ngày sinh, nơi sinh Geburtsdatum/-ort	Ngày sinh Geburtsdatum	Nơi sinh Geburtsort
Tình trạng hôn nhân Familienstand	<input type="checkbox"/> Độc thân ledig <input type="checkbox"/> Đã lập gia đình, sống chung verheiratet, zusammen veranlagt <input type="checkbox"/> Khác anderer:	
Quốc tịch Staatsangehörigkeit		
Email Email		
Số điện thoại Telefonnummer		

- Địa chỉ như chủ tài khoản Adresse wie Kontoinhaber
- Địa chỉ khác Abweichende Meldeadresse:

Địa chỉ phụ thêm (ví dụ gửi qua địa chỉ người khác) Adresszusatz (z.B. c/o)	
Phố, số nhà Straße und Hausnummer	
Thành phố, mã vùng thư tín Postleitzahl und Ort	
Quốc gia Land	

2. Người đại diện thứ hai Zweiter gesetzlicher Vertreter

Hình thức đại diện Art der Vertretung	<input type="checkbox"/> Mẹ Mutter <input type="checkbox"/> Bố Vater <input type="checkbox"/> Người chăm sóc Betreuer <input type="checkbox"/> Người đại diện pháp luật Vormund	
Chức danh và nhân xưng Anrede und Titel	<input type="checkbox"/> Bà Frau <input type="checkbox"/> Ông Herr	Chức danh, học hàm học vị Titel
Tên và tên đệm Vorname/-n		

Họ Nachname		
Tên khi sinh Geburtsname		
Ngày sinh, nơi sinh Geburtsdatum/-ort	Ngày sinh Geburtsdatum	Nơi sinh Geburtsort
Tình trạng hôn nhân Familienstand	<input type="checkbox"/> Độc thân ledig <input type="checkbox"/> Đã lập gia đình, sống chung verheiratet, zusammen veranlagt <input type="checkbox"/> Khác anderer:	
Quốc tịch Staatsangehörigkeit		
Email Email		
Số điện thoại Telefonnummer		

- Địa chỉ như chủ tài khoản Adresse wie Kontoinhaber
 Địa chỉ khác Abweichende Meldeadresse:

Địa chỉ phụ thêm (ví dụ gửi qua địa chỉ người khác) Adresszusatz (z.B. c/o)	
Phố, số nhà Straße und Hausnummer	
Thành phố, mã vùng thư tín Postleitzahl und Ort	
Quốc gia Land	

4/ Thông tin theo quy định của Luật phòng chống rửa tiền Angaben nach dem Geldwäschegesetz

Tất cả khách hàng đều phải tự khai báo ngay lập tức cho Ngân hàng theo Luật phòng chống rửa tiền (GwG) về các thay đổi thông tin cá nhân hoặc người có lợi ích liên quan được quy định trong Luật này trong suốt thời gian có quan hệ kinh doanh với Ngân hàng. Jeder Bankkunde ist nach dem Geldwäschegesetz (GwG) verpflichtet, der Bank unverzüglich und unaufgefordert Änderungen, die sich im Laufe der Geschäftsbeziehung bezüglich der nach diesem Gesetz festzustellenden Angaben zur Person oder den wirtschaftlich Berechtigten ergeben, anzuzeigen.

Thông tin về người Ủy thác và người có lợi ích liên quan Angaben zu Treugebern und wirtschaftlich Berechtigten:

- Tôi giao dịch cho chính bản thân Ich handele für eigene Rechnung

Khách hàng cần chứng minh nguồn gốc của khoản tiền chuyển đi khi được Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank) - chi nhánh Đức yêu cầu. Der Kunde ist verpflichtet der Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade (VietinBank), Filiale Deutschland die Herkunft der Geldmittel nachzuweisen.

5/ Các thỏa thuận Vereinbarungen

Tôi muốn trở thành khách hàng của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank) - chi nhánh Đức và sử dụng sản phẩm dịch vụ theo mã số khách hàng được nêu ở trên. Ich möchte bei der Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade Filiale Deutschland (VietinBank) Kunde werden und Produkte unter oben angegebener Kundennummer eröffnen.

Trong quan hệ kinh doanh với ngân hàng, các điều khoản sau đây được áp dụng: Für die Geschäftsbeziehung gelten nachfolgende Vereinbarungen:

Quyền sử dụng tài khoản và Ủy quyền của những Người đại diện theo pháp luật cho quyền đại diện riêng để thực hiện giao dịch. Verfügungsberechtigung über das Konto und Alleinvertretungsermächtigung der gesetzlichen Vertreter für die gesamte Geschäftsbeziehung.

Các quy định sau đây về quyền sử dụng tài khoản và quyền đại diện riêng có thể được những Người đại diện theo pháp luật thu hồi bất cứ lúc nào, trong trường hợp đó cần thông báo ngay bằng văn bản cho ngân hàng được biết để làm căn cứ. Quy định về quyền sử dụng tài khoản của những Người đại diện theo pháp luật là không cần thiết nếu người vị thành niên chỉ được đại diện bởi duy nhất một Người đại diện theo pháp luật. Trong trường hợp này cần phải chứng minh cụ thể. Die folgenden Regelungen zu den Verfügungsberechtigungen und der Alleinvertretung der gesetzlichen Vertreter können jederzeit durch einen gesetzlichen Vertreter widerrufen werden, wobei die Bank hierüber unverzüglich und aus Beweisgründen möglichst schriftlich zu unterrichten ist. Die Regelung der Verfügungsberechtigung der gesetzlichen Vertreter erübrigt sich, wenn der Minderjährige ohnehin nur durch einen gesetzlichen Vertreter vertreten wird. In diesem Fall ist ein Nachweis erforderlich.

Quyền sử dụng tài khoản của những Người đại diện theo pháp luật (Đánh dấu 1 ô) Verfügungsberechtigung der gesetzlichen Vertreter (bitte ein Feld ankreuzen!)

Cho đến khi người vị thành niên đủ tuổi thành niên thì những người sau có quyền sử dụng tài khoản: Bis zur Volljährigkeit des Minderjährigen ist/sind verfügungsberechtigt:

- Từng người đại diện theo pháp luật riêng rẽ. Ủy quyền cho việc đại diện riêng lẻ (có thể gạch bỏ nội dung sau): Đối với toàn bộ các giao dịch giữa người vị thành niên với ngân hàng trong tương lai, chúng tôi ủy quyền lẫn nhau để có quyền đại diện riêng cho người vị thành niên khi giao dịch với ngân hàng. Jeder gesetzliche Vertreter allein. Ermächtigung zur Alleinvertretung (ggf. streichen): Für die gesamte zukünftige Geschäftsbeziehung zwischen dem Minderjährigen und der Bank ermächtigen wir uns hiermit gegenseitig zur Alleinvertretung des Minderjährigen gegenüber der Bank.
- Cả hai người đại diện theo pháp luật đồng sử dụng. Die gesetzlichen Vertreter gemeinsam.

Quyền sử dụng tài khoản của trẻ vị thành niên – từ 7 tuổi trở lên (theo ngày sinh)

Verfügungsberechtigung des Minderjährigen – erst ab 7 Jahre möglich

- Người vị thành niên được phép (bên cạnh quyền sử dụng tài khoản của những Người đại diện theo pháp luật) một mình rút tiền, nạp tiền hoặc chuyển khoản, ủy nhiệm chi của ngân hàng định kỳ và ghi nợ trực tiếp. Các sản phẩm dịch vụ khác liên quan đến tài khoản (ví dụ như việc phát hành thẻ có mật khẩu và xác định giới hạn cho thẻ) sẽ được quy định riêng. Der Minderjährige darf (neben der Verfügungsberechtigung der gesetzlichen Vertreter) allein über sein Kontoguthaben durch Ein- und Auszahlungen sowie Überweisungen, Daueraufträge und Lastschriften verfügen. Über Depotwerte kann der Minderjährige nicht verfügen. Weitere Vereinbarungen zu kontobezogenen Produkten (z. B. Ausgabe einer Karte mit Geheimzahl einschließlich Festlegung des Kartenlimits) sind gesondert zu treffen.

Điều khoản về tài khoản, kỳ xuất sao kê, thông tin về tài khoản Kontokorrentabrede, Rechnungsperiode, Kontomitteilungen

Các tài khoản được sử dụng trong thanh toán là tài khoản vãng lai trừ phi có thỏa thuận khác. Đối với mỗi tài khoản vãng lai, ngân hàng sẽ cung cấp sao kê vào cuối mỗi quý, nếu dưới đây không ghi một kỳ thanh toán nào khác. Các kết quả về bản sao kê, cũng như các nghĩa vụ phải kiểm tra nội dung của bản sao kê và phản đối nếu cần thiết được quy định tại điều 7 của danh sách "Điều kiện kinh doanh chung". Die Konten werden in laufender Rechnung geführt (Kontokorrentkonto), sofern nicht eine abweichende Regelung besteht. Bei Kontokorrentkonten erteilt die Bank -sofern nichts anderes vereinbart ist- jeweils zum Ende eines Kalenderquartals einen Rechnungsabschluss. Die Rechtswirkungen eines Rechnungsabschlusses sowie die Pflichten, dessen Inhalt zu prüfen und gegebenenfalls Einwendungen zu erheben, sind in Nr. 7 der Allgemeinen Geschäftsbedingungen geregelt.

Nếu không có thỏa thuận khác thì tất cả các tài khoản đã mở đều được áp dụng phương pháp gửi sao kê thông qua đường bưu điện. Việc gửi số dư tài khoản cuối kỳ cũng như các thông tin theo quy định của pháp luật là miễn phí. Các thông tin khác như việc không gửi được thư hoặc in lại tài liệu có thể bị tính phí. Các thông tin chi tiết được liệt kê trong bảng giá sản phẩm dịch vụ. Sofern nichts anderes vereinbart wird, werden alle eröffneten Konten für den postalischen Versand der Kontoauszüge vorgesehen. Die Übermittlung der jeweiligen Rechnungsabschlüsse sowie gesetzlicher Informationspflichten erfolgt unentgeltlich. Weitere Zustellungen, beispielsweise im Falle der Nichtzustellbarkeit oder des Nachdrucks können gebührenpflichtig sein. Weitere Informationen hierzu sind dem Preisverzeichnis zu entnehmen.

Việc áp dụng các "Điều kiện kinh doanh" Einbeziehung der Geschäftsbedingungen

Ngân hàng áp dụng "Điều kiện kinh doanh chung" đối với tất cả các quan hệ kinh doanh. Ngoài ra đối với từng trường hợp cụ thể sẽ có các thỏa thuận đặc biệt, có thể khác hoặc bổ sung cho các điều kiện trong "Điều kiện kinh doanh chung". Đặc biệt là việc sử dụng máy in sao kê tài khoản, sử dụng séc, chuyển tiền, ủy nhiệm chi, thấu chi quá hạn, sử dụng thẻ Debit VietinBank, tài khoản tiết kiệm và việc ghi nợ các khoản thuế theo yêu cầu của quy định đánh thuế thu nhập tài chính. Nội

dung cụ thể của các quy định này được cung cấp tại trụ sở chi nhánh và có thể được gửi tận nơi theo yêu cầu. Maßgebend für die Geschäftsverbindung sind die Allgemeinen Geschäftsbedingungen der Bank. Daneben gelten für einzelne Geschäftsbeziehungen Sonderbedingungen, die Abweichungen oder Ergänzungen zu den Allgemeinen Geschäftsbedingungen enthalten; insbesondere handelt es sich hierbei um Bedingungen für die Benutzung von Kontoauszugsdruckern, für den Scheckverkehr, für den Überweisungsverkehr, für Lastschriften, für geduldete Überziehungen, für die VietinBank Debitkarten, für Sparkonten und für steuerlich veranlasste Buchungen im Rahmen der Kapitalertragsbesteuerung. Der Wortlaut der einzelnen Regelungen kann in den Geschäftsräumen der Bank eingesehen werden. Sie werden auf Wunsch ausgehändigt oder zugesandt.

6/ Các cam kết Einwilligungserklärungen

Cam kết về việc chuyển giao thông tin Einwilligungserklärung für die Datenübermittlung

Mục tiêu của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank) - chi nhánh Đức là cung cấp dịch vụ tư vấn và chăm sóc khách hàng toàn diện. Cùng với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank) - chi nhánh Đức, các công ty cung cấp dịch vụ tài chính khác, ví dụ như Tiết kiệm xây dựng, Tín dụng hoặc Giấy tờ có giá đều có thể cung cấp dịch vụ tư vấn và chăm sóc cho tôi đầy đủ. Vì vậy, tôi đồng ý để Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank) - chi nhánh Đức cung cấp thông tin cá nhân của tôi cho các đơn vị này, cũng như sẵn sàng để họ truy cập vào các thông tin này. Die Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade (VietinBank), Filiale Deutschland hat das Ziel, für ihre Kunden eine umfassende Beratung und Betreuung zu ermöglichen. Damit mich neben der Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade (VietinBank), Filiale Deutschland zuständige Finanzberater bei allen Bank- und Finanzdienstleistungen, z. B. Bauspar-, Kredit- oder Wertpapierprodukten, umfassend beraten und betreuen können, willige ich ein, dass die Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade (VietinBank), Filiale Deutschland meine persönlichen Daten an diese weiterleitet bzw. zum elektronischen Abruf bereitstellt.

Nếu cần thiết cho việc Tư vấn và chăm sóc khách hàng cũng như để quản lý tài sản thì các thông tin sau đây được phép cung cấp: Soweit zur Beratung und Betreuung sowie zur Vermögensverwaltung erforderlich, dürfen folgende Daten übermittelt werden:

- Thông tin về nhân thân (Tên, Địa chỉ, Ngày sinh, Tình trạng hôn nhân, nghề nghiệp và các thông tin tương tự) Personalien (Name, Anschrift, Geburtsdatum, Familienstand, Beruf und vergleichbare Daten)
- Thông tin về tài khoản, khoản vay (đặc biệt là các thông tin chung về tài khoản, khoản vay, lượng giao dịch) Konto- und Depotinformationen (insbesondere Konto-/Depotübersichten/-umsätze, Produktabschlüsse/-ausgestaltung, z. B. Kredite, Konditionen, Zahlungsverkehrsvereinbarungen, Telefon-/Online-Banking, Vertretungsberechtigte und vergleichbare Daten)
- Khả năng thanh toán và thông tin về tài sản (đặc biệt là thông tin về lương, tỉ lệ tài sản, kết quả tiền gửi trong tương lai, kinh nghiệm về giấy tờ có giá, lĩnh vực mong muốn được tư vấn và các thông tin tương tự) Bonitäts- und Vermögensdaten (insbesondere Einkommen, Vermögensverhältnisse, Anlageziele, Wertpapiererfahrung, Beratungswünsche und vergleichbare Daten)
- Các hợp đồng (ngày ký, cơ cấu, điều khoản) được cung cấp cho các công ty khác. Verträge (Abschluss/Ausgestaltung/Konditionen), die an andere Unternehmen vermittelt werden.

Cam kết về việc chuyển giao thông tin cho các cơ quan chức năng tại Nước xuất xứ, Đại sứ quán và các cơ quan chức năng Nước sở tại cũng như các chi nhánh khác của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank) - chi nhánh Đức tại nước xuất xứ. Einwilligungserklärung für die Datenübermittlung an Behörden im Heimatland, Botschaften und Ausländerbehörden sowie Filialen der Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade (VietinBank), Filiale Deutschland im Heimatland

Tôi đồng ý cho Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank) - chi nhánh Đức, cung cấp các thông tin có liên quan đến thị thực/học bổng của tôi cho các cơ quan chức năng, và các cơ quan chức năng tại nước ngoài cũng như Đại sứ quán thông qua fax và/hoặc email, với điều kiện các thông tin này liên quan đến Tài khoản khóa này. Ich willige ein, dass die Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade (VietinBank), Filiale Deutschland die im Zusammenhang mit meinem Visum/Stipendium erforderlichen Informationen auch an die zuständigen Behörden, Ausländerbehörden sowie Botschaften per Fax und/oder E-Mail übersenden darf, sofern sie im Zusammenhang mit dem hier beantragten Sperrkonto stehen.

Điều này cũng có giá trị đối với các chi nhánh khác của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank) - chi nhánh Đức, đặc biệt là tại nước xuất xứ của người đề nghị mở tài khoản. Gleiches gilt für die Übermittlung von Informationen von anderen Filialen der Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade (VietinBank), insbesondere im Heimatland des Antragstellers.

Tôi đồng ý rằng Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank) - chi nhánh Đức không cần phải xử lý các thông tin chuyển giao như là Bí mật ngân hàng theo mức độ tương ứng. Die Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade (VietinBank), Filiale Deutschland befreie ich hiermit im entsprechenden Umfang auch vom Bankgeheimnis.

Sự cam kết này là tự nguyện và có thể được rút lại bất cứ lúc nào. Diese Einwilligungserklärung ist freiwillig und kann jederzeit widerrufen werden.

Ghi chú về việc bảo mật thông tin khách hàng Datenschutzhinweis

Ngân hàng có thể xử lý và sử dụng thông tin cá nhân được cung cấp bởi khách hàng cho mục đích quảng cáo hoặc nghiên cứu thị trường và khảo sát ý kiến. Khách hàng có thể từ chối bất cứ lúc nào việc xử lý và sử dụng thông tin cá nhân vào mục đích quảng cáo cũng như nghiên cứu thị trường và khảo sát ý kiến nói trên. Die Bank verarbeitet und nutzt die von Ihnen erhobenen personenbezogenen Daten auch für Zwecke der Werbung oder der Markt- oder Meinungsforschung. Der Verarbeitung und Nutzung Ihrer personenbezogenen Daten für die vorgenannten Zwecke können Sie jederzeit widersprechen.

7/ Đơn mở tài khoản "Tài khoản khóa" Kontoeröffnungsantrag "Blocked account"

Tôi đồng ý mở tài khoản khóa tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank) - chi nhánh Đức, với số tiền bị khóa như sau Ich möchte bei der Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade (VietinBank), Filiale Deutschland das nachfolgende BAFOS-Konto mit Sperrguthaben eröffnen:

Cơ quan Institution	<input type="checkbox"/> Đại học Universität <input type="checkbox"/> Cơ sở đào tạo Ausbildungsstätte <input type="checkbox"/> Cơ sở đào tạo ngôn ngữ Sprachschule <input type="checkbox"/> Khác Sonstige
Địa chỉ Standort	

Thỏa thuận khóa tài khoản Sperrvereinbarung

Số tiền phong tỏa Höhe des gesperrten Guthabens	10.332,00 Euro / khác abweichend:
--	--

Số dư tiền gửi nêu trên ("Số tiền phong tỏa") được khóa nhằm phục vụ cho cơ quan chính quyền, bao gồm các cơ quan Ngoại kiều, đại diện là Sở Ngoại kiều địa phương ("Người thụ hưởng tài khoản phong tỏa"). Ở đây là các Sở ngoại kiều địa phương nơi cư trú hiện tại hoặc nếu chuyển địa chỉ thường trú ra khỏi Liên bang thì là Sở ngoại kiều tại nơi cư trú cuối cùng tại Đức của chủ tài khoản. Das angegebene Guthaben in genannter Höhe („Sperrguthaben“) ist zu Gunsten der öffentlich-rechtlichen Gebietskörperschaft gesperrt, der die zuständige Ausländerbehörde zuzurechnen ist, vertreten durch diese Ausländerbehörde („Sperrbegünstigte“). Dies gilt für die Ausländerbehörde am aktuellen Wohnort bzw. im Falle des Wegzugs aus dem Bundesgebiet für die Ausländerbehörde, die für den letzten innerdeutschen Wohnort des Kontoinhabers zuständig ist.

Trường hợp có thêm tiền được gửi vào tài khoản này, Thỏa thuận khóa tài khoản này **không** có giá trị đối với số tiền gửi thêm. Soweit auf das Konto weitere Guthaben eingezahlt werden, gilt die Sperrvereinbarung für diese das Sperrguthaben übersteigenden Beträge **nicht**.

Theo yêu cầu của "Người thụ hưởng tài khoản phong tỏa", việc khóa tài khoản chỉ có hiệu lực khi toàn bộ số tiền phong tỏa được nộp vào tài khoản khóa. Im Verhältnis zur Sperrbegünstigten wird die Sperre erst wirksam, sobald das Sperrguthaben vollständig auf das Sperrkonto eingezahlt wurde.

Số tiền được sử dụng hàng tháng Monatlich verfügbarer Sockelbetrag

Số tiền được sử dụng hàng tháng Höhe des monatlich frei verfügbaren Betrags	861,00 Euro / Khác abweichend:
--	---------------------------------------

Sau khi số tiền phong tỏa được nộp đầy đủ, quý khách hàng có thể hàng tháng rút một phần số tiền phong tỏa mà không cần sự đồng ý của "Người thụ hưởng tài khoản phong tỏa". Nếu số tiền được sử dụng hàng tháng không được sử dụng hết, số tiền đó sẽ được cộng vào số tiền được sử dụng tháng sau (Cộng dồn). Nach Volleinzahlung des Sperrguthabens kann der Kontoinhaber monatlich über den genannten Teilbetrag des Sperrguthabens ohne Zustimmung des Sperrbegünstigten frei verfügen. Sofern in dem jeweiligen Monat nicht der volle Verfügungsbetrag ausgeschöpft wird, erhöht dies in entsprechendem Umfang die freie Verfügungsmöglichkeit in den Folgemonaten (Ansammlung).

Trong trường hợp mở mới tài khoản khóa, điều kiện để được sử dụng số tiền phong tỏa lần đầu tiên là chủ tài khoản phải ký một yêu cầu dịch vụ đặc biệt tại một chi nhánh của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank) - chi nhánh Đức.

Die erstmalige Verfügung über das Sperrguthaben setzt im Falle der Neueröffnung eines Sperrkontos die Unterzeichnung eines gesonderten Serviceauftrages durch den Kontoinhaber in einer Filiale der Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade (VietinBank), Filiale Deutschland voraus.

Thêm vào đó, việc rút nhiều hơn Số tiền được sử dụng hàng tháng bắt buộc phải được sự đồng ý của “Người thụ hưởng tài khoản phong tỏa” Darüber hinaus sind Verfügungen über den gesperrten Betrag nur mit Zustimmung der Sperrbegünstigten möglich.

Việc rút tiền từ khoản chênh lệch (nếu có) so với Số tiền phong tỏa do nộp thêm – sau khi đã trừ đi Số tiền được sử dụng hàng tháng không bị hạn chế bởi quy định này. Verfügungen über etwaiges, den o.g. Betrag des Sperrguthabens -nach Abzug der bereits zustimmungsfrei verfügbaren Beträge- übersteigendes Guthaben auf dem Sperrkonto sind von dieser Regelung ausgenommen.

Khi số tiền phong tỏa được rút hết toàn bộ theo trình tự quy định trên đây, việc khóa tài khoản sẽ hết giá trị. Nếu không việc khóa tài khoản chỉ hết giá trị khi có sự chấp thuận bằng văn bản của “Người thụ hưởng tài khoản phong tỏa”. Sobald das Sperrguthaben gemäß dieser Vereinbarung komplett abverfügt worden ist, erlischt die Sperre. Im Übrigen erlischt die Sperre nur, wenn der Bank eine ausdrückliche schriftliche Freigabe der Sperrbegünstigten vorliegt.

Việc thỏa thuận về khóa số dư tài khoản trên đây có điều kiện hủy bỏ bằng việc đưa ra xác nhận lãnh sự về việc từ chối đơn xin thị thực của chủ tài khoản. Trong trường hợp thị thực bị từ chối, chủ tài khoản có thể dùng lệnh chuyển khoản để chuyển tiền về và đóng tài khoản. Diese Vereinbarung zur Sperre des oben genannten Guthabens steht unter der auflösenden Bedingung der Vorlage einer konsularischen Bescheinigung über den Ablehnungsbescheid zum Visumantrag des Kontoinhabers. Im Falle des Eintritts der auflösenden Bedingung kann der Kontoinhaber über sein Guthaben per Überweisungsauftrag verfügen und ist gehalten, das Konto alsbald zu schließen.

Đối với đăng ký lần đầu và mỗi lần gia hạn việc khóa tài khoản thì ngân hàng được phép thu một khoản phí ở mức 50,00 Euro và Ngân hàng sẽ ghi nợ vào tài khoản. Für die erstmalige Einmeldung und jede Verlängerung der Sperrvereinbarung wird jeweils ein Entgelt in Höhe von 50,00 Euro berechnet, das die Bank dem Sperrkonto belasten darf.

Phí duy trì tài khoản hàng tháng được quy định trong Biểu phí Dịch vụ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank) – chi nhánh Đức. Die monatliche Kontoführungsg Gebühr ist dem Preis -und Leistungsverzeichnis der Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade (VietinBank), Filiale Deutschland zu entnehmen.

8/ Giao dịch điện tử Elektronische Zugangswege

Duy trì dịch vụ điện tử Online-Kontoführung

Tài khoản sẽ được cung cấp các dịch vụ điện tử. Tôi đăng ký dịch vụ VietinBank Onlinebanking cho tài khoản này. Việc truy cập dựa theo phương thức PIN/TAN, các thông tin sẽ được cung cấp cho tôi bằng các giao dịch điện tử. Tôi đăng ký mức sử dụng 2.500,00 Euro một ngày. Das Konto wird online geführt. Hiermit melde ich das Konto für das VietinBank OnlineBanking zur Nutzung durch den Kontoinhaber an. Der Zugang erfolgt über das PIN/TAN-Verfahren, die Informationen werden mir elektronisch zur Verfügung gestellt. Als Verfügungsrahmen werden 2.500,00 Euro pro Tag beantragt.

Việc mở dịch vụ điện tử và gửi PIN/TAN được thực hiện sau khi chủ tài khoản đã sang Đức và thực hiện xác thực tại một trong các chi nhánh của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank) – chi nhánh Đức.. Die Freischaltung und der Versand von PIN und TAN erfolgen erst nach Einreise des Kontoinhabers in Deutschland und Legitimation in einer Filiale der Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade (VietinBank), Filiale Deutschland.

Việc duy trì dịch vụ điện tử được áp dụng theo các điều kiện cung cấp quyền truy cập vào các phương thức giao dịch điện tử của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank) – chi nhánh Đức và từ bỏ việc in sao kê tài khoản. Es gelten die Bedingungen für den Zugang zur Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade (VietinBank), Filiale Deutschland über elektronische Medien und für den Verzicht auf gedruckte Kontoauszüge.

9/ Ghi chú đặc biệt cho việc thực hiện hợp đồng ngay Besondere Hinweise zur sofortigen Vertragsausführung

Tôi cam kết đồng ý rằng ngân hàng, sau khi nhận được đơn đề nghị thực hiện hợp đồng, bắt đầu thực hiện hợp đồng trước khi đến hạn có thể hủy hợp đồng. Ich erkläre mich ausdrücklich damit einverstanden, dass die Bank nach Annahme meines Vertragsantrages auf Abschluss des Vertrages noch vor Ablauf der Widerrufsfrist mit der Ausführung dieses Vertrages beginnt.

10/ Thông tin về việc giữ lại Thuế nhà thờ Informationen zum Kirchensteuer-Einbehalt

Khi có đơn đề nghị của khách hàng, ngân hàng giữ lại Thuế nhà thờ và thêm vào Thuế thu nhập tài chính dưới tên của người nhận nợ (Người làm đơn). Ngân hàng chỉ có thể giữ lại Thuế nhà thờ nếu có đơn đề nghị cụ thể. Đơn đề nghị luôn có giá trị từ ngày 01.01 hàng năm cũng như từ khi bắt đầu quan hệ kinh doanh. Khi có thay đổi (ví dụ thay đổi vùng tôn giáo, thay đổi mức thuế nhà thờ, hay tỉ lệ phân chia với các cặp vợ chồng) thì cần có Đơn đề nghị mới. Việc thu hồi Đơn đề nghị cũng phải tiến hành bằng văn bản. Các thay đổi trong năm lịch cũng như việc thu hồi Đơn đề nghị chỉ có hiệu lực từ năm tiếp theo. Mức thuế nhà thờ trong trường hợp này chỉ có thể được tạm tính bởi Sở thuế địa phương theo mức được pháp luật quy định; số thuế nhà thờ thu thừa có thể được hoàn lại theo cách này (Đoạn 2d Điều 51a Luật thuế thu nhập cá nhân). Die Bank behält auf schriftlichen Antrag Kirchensteuer als Zuschlag zur Kapitalertragsteuer auf Rechnung des oder der Gläubiger(s) der Kapitalerträge (Antragsteller) ein. Die Bank kann Kirchensteuer nur aufgrund eines vorliegenden Antrags einbehalten. Der Antrag gilt immer mit Wirkung ab dem 1. Januar eines Kalenderjahres bzw. ab Beginn der Geschäftsbeziehung. Bei Änderungen (z. B. der Religionsgemeinschaft, des Kirchensteuersatzes oder des Aufteilungsverhältnisses bei Ehegatten) ist ein neuer Antrag zu erteilen. Der Widerruf des Antrags kann nur schriftlich erklärt werden. Änderungen während des Kalenderjahres –einschließlich Widerruf eines Antrags– können nur mit Wirkung ab dem Folgejahr berücksichtigt werden. Die Kirchensteuer kann in diesen Fällen nur in der Steuerveranlagung durch das Wohnsitzfinanzamt in der vom Gesetz vorgesehenen Höhe festgesetzt werden; gegebenenfalls zuviel erhobene Kirchensteuer wird auf diesem Wege erstattet (§ 51a Abs. 2d EStG).

Nếu ngân hàng không nhận được đơn đề nghị, ngân hàng sẽ không thu thuế nhà thờ. Trong trường hợp này, người gửi tiền phải nộp thuế nhà thờ và thông báo số tiền thuế từ thu nhập tài chính cho Sở thuế địa phương để tạm tính mức thuế nhà thờ theo Đoạn 2d Điều 51a Luật thuế thu nhập cá nhân, với điều kiện là Thu nhập tài chính này không được xem xét trong tạm tính về Thuế thu nhập (ví dụ theo đề nghị). Liegt dem Kreditinstitut kein Antrag vor, wird die Kirchensteuer nicht durch das Kreditinstitut einbehalten. In diesem Fall muss der kirchensteuerpflichtige Anleger die vom Kreditinstitut einbehaltene Kapitalertragsteuer zum Zwecke einer Kirchensteuerveranlagung nach § 51a Abs. 2d EstG gegenüber seinem Wohnsitzfinanzamt erklären, soweit die Kapitalerträge nicht im Rahmen einer Einkommensteuerveranlagung (z.B. auf Antrag) berücksichtigt werden.

Bắt đầu từ ngày 01.01.2015, Luật quy định các ngân hàng phải có trách nhiệm hỏi Tổng cục thuế Liên bang về các thông tin cần thiết cho việc tự động giữ lại Thuế nhà thờ hàng năm trong khoảng thời gian từ ngày 01.09 đến ngày 31.10; sau đó thực hiện giữ lại khoản thuế nhà thờ. Seit dem 01.01.2015 sind Banken gesetzlich verpflichtet, die für den automatisierten Kirchensteuerabzug notwendigen Daten beim Bundeszentralamt für Steuern jährlich im Zeitraum vom 01.09. bis 31.10. zu erfragen und danach den Kirchensteuerabzug vorzunehmen.

Quý khách hàng có thể phản đối việc cung cấp các dữ liệu về đức tin của mình. Việc phản đối phải được thực hiện theo mẫu có sẵn gửi đến Tổng cục thuế liên bang. Việc phản đối này có giá trị với tất cả các ngân hàng tham gia vào phương pháp thu thuế tại nguồn. Mẫu in có sẵn tại www.formulare-bfinv.de khi tìm từ khóa "Kirchensteuer" – Thuế nhà thờ. Sie können der Weitergabe Ihrer Information zur Religionszugehörigkeit widersprechen. Der Widerspruch hat mit einem amtlichen Muster gegenüber dem Bundeszentralamt für Steuern zu erfolgen. Der Widerspruch gilt für alle am Abzugsverfahren beteiligten Kreditinstitute. Der Vordruck hierfür steht auf www.formulare-bfinv.de unter dem Stichwort „Kirchensteuer" bereit.

Nếu khách hàng đã có đơn phản đối, Ngân hàng không thực hiện giữ lại Thuế nhà thờ. Khi đó, Tổng cục thuế liên bang sẽ thông báo cho Sở thuế địa phương biết về việc phản đối này kèm theo họ tên và địa chỉ khách hàng phải đóng thuế. Đồng thời phía khách hàng cũng có trách nhiệm khai báo thuế có phụ lục KAP, để sở thuế địa phương có thể thực hiện thu thuế này. Sollten Sie Widerspruch einlegen, unterbleibt der Einbehalt von Kirchensteuer durch Ihr Kreditinstitut. Infolgedessen hat das Bundeszentralamt für Steuern das zuständige Wohnsitzfinanzamt des Kunden über den Widerspruch zu unterrichten und dabei Ihren Namen und Ihre Anschrift als Steuerpflichtigen mitzuteilen. Zugleich besteht Ihrerseits die Verpflichtung, eine Steuererklärung mit Anlage KAP abzugeben, damit die Kirchensteuer vom Finanzamt erhoben werden kann.

Các thông tin chi tiết hơn được cung cấp tại Tổng cục thuế liên bang, địa chỉ An der Kuppe 1, 53225 Bonn, qua Internet tại địa chỉ www.bzst.de hoặc qua điện thoại số 0228/406-1240. Nähere Informationen erhalten Sie beim Bundeszentralamt für Steuern, An der Kuppe 1, 53225 Bonn, im Internet unter www.bzst.de oder unter der Telefonnummer 0228/406-1240.

11/ Thông tin liên quan đến thuế Steuerlich relevante Angaben

Tài khoản cá nhân Bankverbindung im Privatvermögen

Chú thích về thuế doanh thu Hinweis zur Umsatzsteuer

Đối với các loại dịch vụ đã được liệt kê thì Hợp đồng tài khoản/tiền gửi cùng với Quyết toán/Sao kê tài khoản sẽ được coi như là hóa đơn theo định nghĩa của luật thuế doanh thu. Nếu không có các loại thuế doanh thu đặc biệt hoặc không có ghi chú cụ thể rằng một phần giá trị hóa đơn đã bao gồm thuế doanh thu thì các dịch vụ được quyết toán là dịch vụ ngân hàng hoặc dịch vụ tài chính sẽ được miễn thuế doanh thu. Für die in Rechnung gestellten Preise für Leistungen bildet der Konto-/Depotvertrag zusammen mit der Abrechnung/dem Kontoauszug die Rechnung im umsatzsteuerlichen Sinne. Sofern keine Umsatzsteuer gesondert ausgewiesen bzw. ausdrücklich kein Hinweis auf eine im Rechnungsbetrag enthaltene Umsatzsteuer gegeben wird, sind die abgerechneten Leistungen als Bank- oder Finanzdienstleistungen von der Umsatzsteuer befreit.

Mã số thuế của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank) – chi nhánh Đức là: DE279250881. Umsatzsteuer-ID-Nr. Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade (VietinBank), Filiale Deutschland: DE279250881.

12/ Lưu ý về thông tin cư trú thuế và việc thông báo cho Cục Thuế Trung ương (BZSt) Hinweis zu den Angaben zur steuerlichen Ansässigkeit und deren Übermittlung an das Bundeszentralamt für Steuern (BZSt)

Các ngân hàng thu thập, lưu trữ và xử lý thông tin về thuế theo Quy định về Trao đổi thông tin tài chính, Quy chế FATCA USA và quy định về thông tin thu nhập. Die Bank erhebt, speichert und verarbeitet die Angaben zur steuerlichen Ansässigkeit auf Grundlage des Finanzkonten-Informationsaustauschgesetzes (FKaustG), der FATCA-USA-Umsetzungs-Verordnung (FATCA-USA-UmsV) sowie der Zinsinformationsverordnung¹.

Nếu KH đăng ký thuế tại một trong các nơi sau Soweit eine der von Ihnen angegebenen steuerlichen Ansässigkeiten

- tại một quốc gia thành viên khác của EU in einem anderen EU-Mitgliedstaat,
- tại Hoa Kỳ hoặc in den Vereinigten Staaten von Amerika oder
- tại một quốc gia khác đã đồng ý trao đổi dữ liệu thuế với Cộng hòa Liên bang Đức, in einem anderen Staat, der einen steuerlichen Datenaustausch mit der Bundesrepublik Deutschland vereinbart hat,

các dữ liệu theo yêu cầu của FKaustG và/hoặc FATCA-USA-UmsV hoặc ZIV sẽ được chuyển đến BZSt. Thông tin của chủ tài khoản (tên riêng, địa chỉ, nước cư trú, ngày tháng năm sinh, nơi sinh, mã số thuế, tài khoản), số dư tài khoản và thu nhập lũy kế đều được ghi nhận, trong đó bao gồm cả thu nhập từ hiện vật và lợi nhuận từ bán hàng. BZSt sẽ chuyển dữ liệu này cho cơ quan thuế ngoại quốc có thẩm quyền tại quốc gia KH cư trú. Nếu bạn là người cư trú chỉ đăng ký thuế ở Đức, thông báo sẽ không được gửi đến BZSt. vorliegt, werden die nach FKaustG und/oder FATCA-USA-UmsV bzw. der ZIV vorgeschriebenen Daten an das BZSt übermittelt. Gemeldet werden im Rahmen der gesetzlichen Vorgaben Kundendaten des Konto-/Depotinhabers (insbesondere Namen, Anschrift, Ansässigkeitsstaat(en), Geburtsdatum und -ort, Steueridentifikationsnummern² sowie Konto- und Depotnummern), Kontosalden und gutgeschriebene Kapitalerträge, einschließlich Einlösungsbeträge und Veräußerungserlöse. Das BZSt leitet diese Daten an die im Ansässigkeitsstaat zuständige ausländische Steuerbehörde weiter. Soweit Sie ausschließlich in Deutschland steuerlich ansässig sind, erfolgt keine Meldung an das BZSt.

Thông tin về cư trú thuế Angaben zur steuerlichen Ansässigkeit

Tôi là cư trú tại Ich bin steuerlich ansässig:

tại Đức in Deutschland

my tax identification number is meine Steuer-Identifikations-Nr. lautet: _____

¹ Die Bundesrepublik Deutschland und die Britischen Jungferninseln, Curacao, Guernsey, Jersey, Montserrat und die Insel Man haben sich darauf verständigt, dass die jeweils mit der Bundesrepublik Deutschland abgeschlossenen Abkommen über die Besteuerung von Zinserträgen nicht mehr für Zinszahlungen Anwendung finden, die nach dem 31. Dezember 2015 geleistet werden. Auf dieser Grundlage findet die Zinsinformationsverordnung gemäß § 17 Absatz 3 ZIV im Hinblick auf die genannten Abkommen nicht mehr für Zinszahlungen Anwendung, die nach dem 31. Dezember 2015 zufließen. Für Aruba und Sint Maarten ist die Zinsinformationsverordnung auch für nach dem 31. Dezember 2015 zufließende Zinszahlungen anwendbar.

² Identifikationsnummer eines Steuerpflichtigen oder die funktionale Entsprechung, wenn keine Steueridentifikationsnummer vorhanden ist.

- tại in _____
- tại in _____
- tại in _____

TIN của tôi là meine TIN lautet: _____

TIN của tôi là meine TIN lautet: _____

TIN của tôi là meine TIN lautet: _____

KH lưu ý rằng thông tin không chính xác hoặc không đầy đủ có thể có liên quan đến pháp lý tại các quốc gia có nghĩa vụ thuế. Ngân hàng không được phép cung cấp tư vấn pháp lý. KH cần phải làm rõ các vấn đề pháp lý, đặc biệt về cư trú thuế, với cố vấn thuế. Es wird darauf hingewiesen, dass unrichtige oder unvollständige Angaben in Staaten, in denen eine Steuerpflicht besteht, rechtlich relevant sein können. Die Bank ist nicht zur Rechtsberatung befugt. Rechtliche Fragen, insbesondere zur steuerlichen Ansässigkeit, sollten daher mit einem steuerlichen Berater geklärt werden.

Tôi đảm bảo rằng tất cả những thông tin được khai báo ở trên là đầy đủ và chính xác và tôi cam kết sẽ thông báo ngay lập tức những thay đổi cho Ngân hàng. Ich versichere, dass alle oben gemachten Angaben vollständig und zutreffend sind und verpflichte mich, Änderungen der Bank unverzüglich mitzuteilen.

13/ SCHUFA SCHUFA

Lưu ý về việc chuyển dữ liệu cho SCHUFA và việc miễn trừ bảo mật thông tin Ngân hàng Hinweis zur Datenübermittlung an die SCHUFA und Befreiung vom Bankgeheimnis

Tôi/chúng tôi cam kết rằng tôi/chúng tôi đã được cung cấp đầy đủ thông tin về các lưu ý dưới đây: Ich/wir erkläre(n), dass ich /wir die nachfolgenden Hinweise zur Kenntnis genommen habe(n):

Ngân hàng sẽ cung cấp các thông tin liên quan đến cá nhân trong phạm vi hợp đồng này về việc đăng ký, duy trì và chấm dứt sử dụng tài khoản cũng như những dữ liệu về hành vi vi phạm hợp đồng hoặc những hành vi phạm tội tới SCHUFA Holding AG, Kormoranweg 5, 65201 Wiesbaden. Die Bank übermittelt im Rahmen dieses Vertragsverhältnisses erhobene personenbezogene Daten über die Beantragung, die Durchführung und Beendigung dieser Kontoverbindung sowie Daten über nicht vertragsgemäßes Verhalten oder betrügerisches Verhalten an die SCHUFA Holding AG, Kormoranweg 5, 65201 Wiesbaden.

Cơ sở pháp lý cho việc chuyển dữ liệu này là Điều 6 Khoản 1 Mục b và Điều 6 Khoản 1 Mục f của Quy định về Bảo vệ dữ liệu của Liên minh Châu Âu (DSGVO). Việc chuyển dữ liệu theo Điều 6 Khoản 1 Mục f của DSGVO chỉ được phép thực hiện nếu như việc này là cần thiết để bảo vệ lợi ích chính đáng của Ngân hàng hoặc của bên thứ ba và không làm ảnh hưởng tới lợi ích hoặc các Quyền cơ bản hoặc Quyền tự do cơ bản của người có liên quan, là người yêu cầu việc bảo vệ dữ liệu cá nhân. Việc trao đổi dữ liệu với SCHUFA cũng phục vụ cho việc hoàn thành các nghĩa vụ pháp lý trong việc kiểm tra uy tín tín dụng của khách hàng (Điều 505a của Bộ luật Dân Sự, Điều 18a của Luật Tín dụng). Rechtsgrundlagen dieser Übermittlungen sind Artikel 6 Absatz 1 Buchstabe b und Artikel 6 Absatz 1 Buchstabe f der Datenschutz-Grundverordnung (DSGVO). Übermittlungen auf der Grundlage von Artikel 6 Absatz 1 Buchstabe f DSGVO dürfen nur erfolgen, soweit dies zur Wahrung berechtigter Interessen der Bank oder Dritter erforderlich ist und nicht die Interessen oder Grundrechte und Grundfreiheiten der betroffenen Person, die den Schutz personenbezogener Daten erfordern, überwiegen. Der Datenaustausch mit der SCHUFA dient auch der Erfüllung gesetzlicher Pflichten zur Durchführung von Kreditwürdigkeitsprüfungen von Kunden (§ 505a des Bürgerlichen Gesetzbuches, § 18a des Kreditwesengesetzes).

Tôi/chúng tôi đồng ý rằng Ngân hàng không phải giữ bí mật các thông tin này. Ich/wir befreie(n) die Bank insoweit auch vom Bankgeheimnis.

SCHUFA xử lý những dữ liệu nhận được và sử dụng những dữ liệu này với mục đích xây dựng hồ sơ khách hàng (chấm điểm khách hàng) nhằm cung cấp thông tin về đánh giá uy tín tín dụng cá nhân cho các đối tác trong Khu vực Kinh tế Châu Âu và Thụy Sĩ cũng như các nước thứ ba khác nếu có (với điều kiện là các nước này nằm trong thỏa thuận về các quốc gia thứ ba an toàn của Ủy ban Châu Âu). Những thông tin cụ thể hơn về hoạt động của SCHUFA có thể được tìm thấy trong bảng thông tin của SCHUFA theo Điều 14 DSGVO hoặc theo đường dẫn trực tuyến sau www.schufa.de/datenschutz. Die SCHUFA verarbeitet die erhaltenen Daten und verwendet sie auch zum Zwecke der Profilbildung (Scoring), um ihren Vertragspartnern im Europäischen Wirtschaftsraum und in der Schweiz sowie ggf. weiteren Drittländern (sofern zu diesen ein Angemessenheitsbeschluss der Europäischen Kommission besteht) Informationen unter anderem zur Beurteilung der Kreditwürdigkeit von natürlichen Personen zu geben. Nähere Informationen zur Tätigkeit der SCHUFA können dem SCHUFA-Informationsblatt nach Art. 14 DSGVO entnommen oder online unter www.schufa.de/datenschutz eingesehen werden.

14/ Thông báo về việc xử lý thông tin cá nhân theo quy định chuyển tiền của EU Hinweis zur Verarbeitung personenbezogener Daten gemäß EU-Geldtransferverordnung

„Quy định (EU) 2015/847 của Quốc hội và Hội đồng Châu Âu ngày 20.05.2015 về việc chuyển thông tin chuyển tiền“ (Quy định về việc chuyển tiền của EU) nhằm mục đích giảm thiểu, phát hiện và xác định các dấu hiệu rửa tiền và tài trợ khủng bố trong quá trình chuyển tiền. Quy định yêu cầu ngân hàng kiểm tra và chuyển thông tin về người yêu cầu (người gửi) và người thụ hưởng (người hưởng) khi thực hiện chuyển tiền. Các thông tin này bao gồm tên, đặc điểm nhận dạng của người trả tiền và người thụ hưởng, kèm thêm địa chỉ của người gửi. Die „Verordnung (EU) 2015/847 des Europäischen Parlaments und des Rates vom 20.Mai 2015 über die Übermittlung von Angaben bei Geldtransfers“ (EU-Geldtransferverordnung) dient dem Zweck der Verhinderung, Aufdeckung und Ermittlung von Geldwäsche und Terrorismusfinanzierung bei Geldtransfers. Sie verpflichtet die Bank, bei der Ausführung von Geldtransfers Angaben zum Auftraggeber (Zahler) und Begünstigten (Zahlungsempfänger) zu prüfen und zu übermitteln. Diese Angaben bestehen aus Name und Kundenkennung von Zahler und Zahlungsempfänger und der Adresse des Zahlers.

Trong trường hợp việc thanh toán được thực hiện trong phạm vi khu vực kinh tế Châu Âu, việc truyền tải thông tin về địa chỉ của người trả tiền có thể được miễn trừ, mặc dù điều này có thể được yêu cầu bởi bên cung cấp dịch vụ thanh toán của người thụ hưởng. Đối với thông tin về tên và địa chỉ nếu có, ngân hàng sử dụng các dữ liệu lưu trong hệ thống của mình để tuân thủ quy định pháp lý. Theo quy chế, ngân hàng phải kiểm tra thông tin chuyển tiền, trả lời câu hỏi của các tổ chức tín dụng khác về nhận dạng người gửi và người thụ hưởng và cung cấp thông tin này cho cơ quan thẩm quyền theo yêu cầu. Bei Geldtransfers innerhalb des Europäischen Wirtschaftsraums kann auf die Weiterleitung der Adresse des Zahlers zunächst verzichtet werden, jedoch kann gegebenenfalls diese Angabe vom Zahlungsdienstleister des Zahlungsempfängers angefordert werden. Bei der Angabe von Name und gegebenenfalls Adresse nutzt die Bank die in ihrem System hinterlegten Daten, um den gesetzlichen Vorgaben zu entsprechen. Mit der Verordnung wird erreicht, dass aus den Zahlungsverkehrsdatensätzen selber immer eindeutig bestimmbar ist, wer Zahler und Zahlungsempfänger ist. Das heißt auch, dass die Bank Zahlungsdaten überprüfen, Nachfragen anderer Kreditinstitute zur Identität des Zahlers bzw. Zahlungsempfängers beantworten und auf Anfrage diese Daten den zuständigen Behörden zur Verfügung stellen muss.

15/ Xác nhận đã nhận hồ sơ và ký Empfangsbestätigung und Unterschriften

Tôi xác nhận đã nhận được các giấy tờ sau Ich bestätige den Erhalt der folgenden Unterlagen:

- Thông tin chung trước khi ký hợp đồng từ xa về dịch vụ tài chính Vorvertragliche Informationen bei im Fernabsatz geschlossenen Verträgen über Finanzdienstleistungen
- Đơn mở tài khoản Kontoeröffnungsantrag
- Điều khoản kinh doanh chung của Ngân hàng Allgemeine Geschäftsbedingungen der Bank
- Điều khoản hợp đồng cho tài khoản thanh toán cũng như dịch vụ trực tuyến Die für die Girokonten sowie Onlinebanking geltenden Vertragsbestimmungen

Ngày tháng Datum

Địa điểm Ort

Chữ ký của người giám hộ thứ nhất Erster gesetzlicher Vertreter	Chữ ký của người giám hộ thứ hai Zweiter gesetzlicher Vertreter	Chữ ký của chủ tài khoản Kontoinhaber
(Chỉ khi chủ tài khoản là vị thành niên) (Angabe nur bei minderjährigen Kontoinhabern erforderlich)		

16/ Danh sách kiểm tra các điều kiện (Dành cho nhân viên ngân hàng) Bearbeitungscheckliste (nur für den bankinternen Gebrauch)
Chủ tài khoản (Vị thành niên) Kontoinhaber (Minderjähriger)

Loại giấy tờ Art der Urkunde	
Số / Mã hồ sơ Nummer	
Cơ quan cấp Ausstellende Behörde	
Ngày cấp Ausstellungsdatum	

1. Người đại diện thứ nhất Erster gesetzlicher Vertreter

Loại giấy tờ Art der Urkunde	
Số / Mã hồ sơ Nummer	
Cơ quan cấp Ausstellende Behörde	
Ngày cấp Ausstellungsdatum	

2. Người đại diện thứ hai Zweiter gesetzlicher Vertreter

Loại giấy tờ Art der Urkunde	
Số / Mã hồ sơ Nummer	
Cơ quan cấp Ausstellende Behörde	
Ngày cấp Ausstellungsdatum	

- Đã copy các giấy tờ xác định nhân thân Legitimationspapiere kopiert
- Các bản copy đúng với bản gốc Kopien entsprechen Originalen

Giao dịch viên Maker	Người phê duyệt Checker